

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2019
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Cao Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Nguyễn Tiến Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 29/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Thu T**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: 174 Phan Chu T, phường Phước V, thành phố Huế. Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Phan T1 C** (Phan C T1), sinh năm 1983;

Địa chỉ: 215 Crescent Street Harrisburg, PA 17104, USA (Hoa Kỳ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/12/2017 của chị Phạm Thị Thu T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T trình bày: Chị quen với anh Phan Công T1 từ đầu năm 2008 thông qua sự giới thiệu của người thân bên Mỹ. Quen biết và tìm hiểu nhau gần vài tháng thì hai người tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp và được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/6/2008.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được vài ngày thì anh T1 vào Sài Gòn để làm thủ tục giấy tờ và thăm bà con rồi qua lại Mỹ. Sau khi về nước, thời gian đầu, anh T1 vẫn hay liên lạc, hỏi thăm chị T thường xuyên. Anh T1 cũng có làm thủ tục bảo lãnh đoàn tụ cho chị T và chị T cũng đã đi phỏng vấn vào năm 2012, nhưng sau đó không có kết quả. Kể từ khi việc phỏng vấn không có kết quả thì việc liên lạc giữa vợ chồng thưa dần và anh T1 không còn quan tâm hay hỏi thăm gì đến

Chị nữa. Từ đó, vợ chồng hoàn toàn không còn quan tâm, liên lạc gì nhau nữa. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn với anh T1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Anh Phan Công T1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và Công văn yêu cầu Anh trả lời một số vấn đề cần thiết liên quan đến việc chị T xin ly hôn. Ngày 25/6/2019, anh T1 có văn bản trình bày ý kiến của mình gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế với nội dung Anh đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị T; về con chung và tài sản chung không có và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt Anh vì điều kiện ở xa.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã lập hồ sơ đầy đủ, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các bên đương sự đã chấp hành đúng các quy định về tố tụng, Hội đồng xét xử đã giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự, đảm bảo quyền trình bày của đương sự, không có gì cần phải kiến nghị khắc phục.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 122; khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Phạm Thị Thu T được ly hôn anh Phan Công T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án xin ly hôn này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Do điều kiện ở xa, không thể có mặt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, nên anh Phan Công T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Mặt khác, chị T không yêu cầu hòa giải, anh T1 đang ở nước ngoài nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207; điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và tiến hành xét xử vắng mặt anh Phan Công T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu T và anh Phan Công T1 kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp và được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/6/2008 phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu T, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T và anh T1 sống chung với nhau một thời gian rất ngắn, sau đó anh T1 trở về Hoa Kỳ và hai người sống xa nhau nên không có điều kiện quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng không còn liên lạc với nhau vì vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị T

được ly hôn với anh Phan Công T1 như ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T1 xác định là không có và không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Phạm Thị Thu T phải chịu theo luật định.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 477, và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 122; khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị Thu T được ly hôn với anh Phan T C (Phan C T1).

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Thu T xác định là không có và không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thu T phải chịu 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 005519 ngày 21/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị T đã nộp đủ án phí.

Chị Phạm Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Phan T C (Phan C T) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- UBND tỉnh TT-Huế;
- Cục THADS tỉnh TT-Huế;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, Tòa DS.

Trương Cao Sơn